

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**
Số: 1110/2021/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

B, ngày 12 tháng 11 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 1695 /2021/TLST – VHNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021, về việc yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Nguyễn Quốc Cường, sinh năm 1984

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Y11, tổ 5, khu phố 1, phường Tân Hiệp, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc C và bà Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn với nhau năm 2013 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai (Giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01-2013 ngày 26/02/2013 của Ủy ban nhân dân phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai).

Nay ông Nguyễn Quốc C và bà Nguyễn Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông, bà cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân TP B công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: có một con chung: Nguyễn Minh Th, sinh ngày: 09/8/2014.

Cả hai thỏa thuận giao cháu Nguyễn Minh Th cho ông Nguyễn Quốc C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ(ba triệu đồng) kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Minh Th đủ 18 tuổi và có khả năng lao động..

Bà Nguyễn Thị N không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]Về Tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]Về Nợ chung: Không có.

[5]Lệ phí HNGĐ-ST: Ông Nguyễn Quốc C và bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Quốc C và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có một con chung: Nguyễn Minh Th, sinh ngày: 09/8/2014.

Giao cháu Nguyễn Minh Th cho ông Nguyễn Quốc C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ(ba triệu đồng) kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Minh Thiện đủ 18 tuổi và có khả năng lao động..

Bà Nguyễn Thị N không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

2. Lệ phí HNGĐ-ST Ông Nguyễn Quốc C và bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP B, theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000106 ngày 27/10/2021.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP B (2);
- THADS TP B (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký KH (1);
- Lưu hồ sơ việc dân sự (1).

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phú